

TRC, ngày 23 tháng 02 năm 2024

Số:13/2024/QĐST-DS.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA TH CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2024, về các đương sự thỏa Th được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 211/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2021, về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.”

XÉT THẤY:

Các thỏa Th của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa Th giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Th đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa Th của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Kim T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp TL,NL,DH, tỉnh TV.

- *Bị đơn:* Bà Kim Thị N, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp ĐĐ, xã TS, huyện TRC, tỉnh TV.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Kim H, sinh năm 1968.

Ông Kim Minh Hi, sinh năm 1996 (ủy quyền cho ông Kim H tham gia tố tụng).

Bà Kim Thị Bích Th, sinh năm 2004 (ủy quyền cho ông Kim H tham gia tố tụng).

Ông Kim T, sinh năm 1962.

Bà Kim Thị Thúy H, sinh năm 1986 (ủy quyền cho bà Kim Thị N tham gia tố tụng).

Bà Kim Thị Nh, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: ấp ĐĐ, xã TS, huyện TRC, tỉnh TV.

Bà Kim Thị Sô P, sinh năm 1987 (ủy quyền cho bà Kim Thị N tham gia tố tụng).

Địa chỉ: ấp Giữa, xã KH, huyện CNg, tỉnh TV.

2. Sự thỏa Th của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn ông Kim T và bị đơn bà Kim Thị N thống nhất thỏa Th chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa 262, diện tích 2.120m², loại đất trồng màu, và thửa 473, diện tích 1.360m², loại đất trồng màu, cùng tờ bản đồ số 11, do cha là ông Kim B (chết năm 2009) đứng tên, đất tọa lạc ấp ĐĐ, xã TS, huyện TRC, tỉnh TV cụ thể như sau:

*Chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 262, tờ bản đồ số 11, cho ông Kim T được hưởng diện tích 524,1m², loại đất trồng màu, đất tọa lạc tại ấp ĐĐ, xã TS, huyện TRC, tỉnh TV.

Vị trí tứ cận và kích thước như sau:

Phần B :

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 262, kích thước 18m.
- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 262, kích thước 38,90m.
- Hướng Nam giáp thửa 263, kích thước đoạn 6,40m; đoạn 11,0m; đoạn 12,0m; đoạn 7,40m; đoạn 0,06m.
- Hướng Bắc giáp quốc lộ 54, kích thước 20m.

Bà Kim Thị N có trách nhiệm giao diện tích đất này cho ông Kim T quản lý sử dụng.

*Chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 262, tờ bản đồ số 11, cho bà Kim Thị N được hưởng diện tích 500,2m², loại đất trồng màu, đất tọa lạc tại ấp ĐĐ, xã TS, huyện TRC, tỉnh TV, do ông Kim B (chết) đứng tên.

Phần C:

- Hướng Đông giáp thửa 261, kích thước 23,30m.
- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 262, kích thước 18m.
- Hướng Nam giáp thửa 263, kích thước 21,90m.
- Hướng Bắc giáp quốc lộ 54, kích thước 27,40m.

Ông Kim T có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 262 mang tên Kim B cho bà Kim Thị N làm thủ tục sang tên.

(Kèm theo sơ đồ thửa đất số:287/CNHTTrC, ngày 19/02/2024).

Bà Kim Thị N được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất thửa 473, diện tích 1.360m², loại đất trồng màu, tờ bản đồ số 11, do cha là ông Kim B (chết 2009) đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại ấp ĐĐ, xã TS, huyện TRC, tỉnh TV.

Có vị trí tứ cận, kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 472;470; kích thước đoạn 30,70m; đoạn 17,90m.
- Hướng Tây giáp thửa 474; kích thước 46,70m.

- Hướng Nam giáp thửa 607; kích thước 29,40m.
- Hướng Bắc giáp thửa 392; kích thước 26,30m.

(Kèm sơ đồ thửa đất công văn số: 103/CV-CNHTTrC, ngày 14/06/2018).

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 845,3 m², loại đất trồng màu, thuộc một phần của thửa 262, tờ bản đồ số 11, giữa bà Kim Thị N với ông Kim H, ông Kim Minh Hi, bà Kim Thị Bích Th (phần đất này do bà Kim Thị N nhận thừa kế từ cha là ông Kim B).

Đất có vị trí tứ cận, kích thước như sau:

Phần A.

- Hướng Đông phần còn lại thửa 262, kích thước 38,90m.
- Hướng Tây giáp đường bê T, kích thước đoạn 25,70m; đoạn 11,50m.
- Hướng Nam giáp phần còn lại thửa 262, kích thước 19,90m.
- Hướng Bắc giáp quốc lộ 54, kích thước 21,70m.

Bà Kim Thị N có trách nhiệm giao cho ông Kim H, ông Kim Minh Hi, và bà Kim Thị Bích Th phần diện tích đất này.

Ông Kim T có trách nhiệm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 262 mang tên Kim B cho ông Kim H, ông Kim Minh Hi, bà Kim Thị Bích Th làm thủ tục sang tên.

(Kèm theo sơ đồ thửa đất số: 287/CNHTTrC, ngày 19/02/2024).

Ông Kim T, bà Kim Thị N, ông Kim H, ông Kim Minh Hi, và bà Kim Thị Bích Th có quyền liên hệ với cơ quan quản lý đất đai huyện TRC để làm thủ tục sang tên đăng ký phần đất mình được hưởng quản lý và sử dụng theo quyết định này.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 10.153.965 đồng, nhưng ông T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.250.000 đồng theo biên lai số 0005812, ngày 21/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TRC, nên ông Kim T phải nộp thêm số tiền án phí là: 6.903.965 đồng.

- Bà Kim Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 26.056.075 đồng.

- Ông Kim H, ông Kim Minh Hi, và bà Kim Thị Bích Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 75.000 đồng. Hoàn trả cho ông Kim H, ông Kim Minh Hi, và bà Kim Thị Bích Th số tiền tạm ứng án phí là 225.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001637, ngày 18/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TRC.

* Về chi phí khảo sát, định giá:

- Ông Kim T phải chịu số tiền là 3.903.284 đồng. Ông T liên hệ với Tòa án nhân dân huyện TRC để nhận lại số tiền tạm ứng còn thừa là 2.416.432 đồng (đã nhận xong).

- Bà Kim Thị N phải chịu số tiền là 3.903.284 đồng. Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện TRC thu số tiền 3.903.284 đồng này từ bà Kim Thị N để giao trả lại cho ông Kim T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện TRC;
- Chi cục THADS huyện TRC;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Văn Tâm